TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 298/2018/KDTM-ST
Ngày: 30-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Hoàng Hạnh

Bà Trịnh Thị Phương Châm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Minh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30-10-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1160/2015/TLST-KDTM ngày 08-10-2015 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4573/2018/QĐXXST-KDTM ngày 12-9-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5148/2018/QĐST-KDTM ngày 11-10-2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH Thương mại A
Địa chỉ trụ sở: Đường B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980, địa chỉ: Đường Đ, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18-6-2015)

- *Bị đơn*: Công ty TNHH V
Địa chỉ trụ sở: Đường H, phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 18-6-2015, nguyên đơn là Công ty TNHH Thương mại A và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H đều trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là Công ty TNHH V có ký Hợp đồng dịch vụ số 13102402HĐKT/VP-HO ngày 25-10-2013 thực hiện dịch vụ in ấn, thành phẩm bao bì cho sản phẩm Vi cá Mỹ Vị với kích thước thành phẩm: Dài 30.8 x Sâu 16 x Cao 7.4 cm; Thực hiện sản xuất trong 25 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và

nhận tạm ứng và duyệt mẫu, đợt hàng đầu tiên sẽ chuyển từ ngày thứ 10; Tổng giá trị hợp đồng: 149.000.000 đồng (chưa bao gồm VAT); Thanh toán 03 đợt: Tạm ứng đợt 1: 50% tổng giá trị hợp đồng là 74.500.000 đồng, thanh toán đợt 2: 30% sau khi bàn giao, nghiệm thu được 50% khối lượng sản phẩm đã ký căn cứ theo phụ lục hợp đồng 1 là 44.700.000 đồng, thanh toán đợt 3: 20% giá trị còn lại hợp đồng là 29.800.000 đồng sau khi bàn giao đủ số lượng sản phẩm và ký nghiệm thu. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã tạm ứng đợt 1 cho bị đơn là 74.500.000 đồng (Theo Ủy nhiệm chi ngày 28-10-2013).

Ngày 25-11-2013, hai bên ký Hợp đồng dịch vụ số 13111801HĐKT/VP-HO thực hiện dịch vụ in ấn, thành phẩm bao bì cho sản phẩm Bào ngư tươi Mỹ Vị với kích thước thành phẩm: Dài 30.8 x Sâu 16 x Cao 7.4 cm; Thực hiện sản xuất trong 25 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và nhận tạm ứng và duyệt mẫu, đợt hàng đầu tiên sẽ chuyển từ ngày thứ 10; Tổng giá trị hợp đồng: 149.000.000 đồng (chưa bao gồm VAT); Thanh toán 03 đợt: Tạm ứng đợt 1: 50% tổng giá trị hợp đồng là 74.500.000 đồng, thanh toán đợt 2: 30% sau khi bàn giao, nghiệm thu được 50% khối lượng sản phẩm đã ký căn cứ theo phụ lục hợp đồng 1 là 44.700.000 đồng, thanh toán đợt 3: 20% giá trị còn lại hợp đồng là 29.800.000 đồng sau khi bàn giao đủ số lượng sản phẩm và ký nghiệm thu. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã tạm ứng đợt 1 cho bị đơn là 74.500.000 đồng (Theo Ủy nhiệm chi ngày 26-11-2013).

Tuy nhiên, sau khi nhận số tiền tạm ứng trên, bị đơn không thực hiện đúng nội dung hợp đồng, đến nay vẫn chưa giao sản phẩm cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã nhiều lần liên lạc bằng điện thoại và văn bản nhưng bị đơn chỉ hứa hẹn không giải quyết. Việc không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của nguyên đơn.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả 149.000.000 đồng tạm ứng đợt 1 của Hợp đồng dịch vụ số 13102402HĐKT/VP-HO ngày 25-10-2013, Hợp đồng dịch vụ số 13111801HĐKT/VP-HO ngày 25-11-2013 và 7.450.000 đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng (5% số tiền tạm ứng nguyên đơn đã thanh toán).

Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại điểm e Điều 7 của Hợp đồng dịch vụ số 13102402HĐKT/VP-HO ngày 25-10-2013, Hợp đồng dịch vụ số 13111801HĐKT/VP-HO ngày 25-11-2013, hai bên thỏa thuận trường hợp không đạt được thỏa thuận để giải quyết tranh chấp thì được đưa ra giải quyết tại Tòa án kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại. Do đó, thỏa thuận về việc lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp của các bên không phù hợp quy định pháp luật nên thẩm quyền giải quyết tranh chấp là nơi bị đơn có trụ sở. Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dịch vụ với bị đơn là Công ty TNHH V, địa chỉ trụ sở: Đường H, phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ việc.

[4] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả 149.000.000 đồng tạm ứng đợt 1 của Hợp đồng dịch vụ số 13102402HĐKT/VP-HO ngày 25-10-2013 và Hợp đồng dịch vụ số 13111801HĐKT/VP-HO ngày 25-11-2013; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định:

[5] Nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng dịch vụ số 13102402HĐKT/VP-HO ngày 25-10-2013, Hợp đồng dịch vụ số 13111801HĐKT/VP-HO ngày 25-11-2013. Ngày 28-10-2013, nguyên đơn đã tạm ứng đợt 1 cho bị đơn là 74.500.000 đồng và ngày 26-11-2013, nguyên đơn đã tạm ứng đợt 1 cho bị đơn là 74.500.000 đồng. Tuy nhiên bị đơn đã không thực hiện dịch vụ in ấn, thành phẩm bao bì theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 149.000.000 đồng tạm ứng đợt 1 của Hợp đồng dịch vụ số 13102402HĐKT/VP-HO ngày 25-10-2013 và Hợp đồng dịch vụ số 13111801HĐKT/VP-HO ngày 25-11-2013 là có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 7.450.000 đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng:

[7] Theo thỏa thuận của hai bên tại khoản c Điều 7 của Hợp đồng dịch vụ số 13102402HĐKT/VP-HO ngày 25-10-2013 và Hợp đồng dịch vụ số 13111801HĐKT/VP-HO ngày 25-11-2013: Nếu bên nào vi phạm hợp đồng và dẫn đến hủy bỏ hợp đồng, bên đó sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường tất cả các khoản tổn thất do mình gây ra và phải chịu phạt thêm 5% tổng giá trị hợp đồng cho bên không vi phạm. Xét thấy, bị đơn vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 5% trên số tiền tạm ứng Đợt 1 của hai hợp đồng 149.000.000 đồng là 7.450.000 đồng, phù hợp với quy định tại Điều 300, Điều 301 của Luật Thương mại nên có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.822.500 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 300, Điều 301 của Luật Thương mại; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại A

Buộc Công ty TNHH V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại A 149.000.000 đồng tạm ứng Đợt 1 của Hợp đồng dịch vụ số 13102402HĐKT/VP-HO ngày 25-10-2013, Hợp đồng dịch vụ số 13111801HĐKT/VP-HO ngày 25-11-2013 và 7.450.000 đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng.

2. Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.822.500 đồng.

Công ty TNHH Thương mại A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại A 4.097.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AE/2014/0005264 ngày 08-10-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Quỳnh Trâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trương Thị Quỳnh Trâm